

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2017- 2018
LỚP TC. ĐCN 17

STT	Họ và tên		Năm sinh	2	3	2	1	3	2	1	1	1	5	16	Xếp loại học lực	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
				GDTC	QPAN	CT	PL	AV	TH	ATLB	VE KT	VAT LD	TOÁN CD	TB Học kì			
1	Nguyễn Văn	An	06/02/2001	7.9	7.0	6.5	7.8	7.7	8.2	5.8	6.0	8.9	6.7	7.2	Khá	Tốt	
2	Lâm Bình	An	30/5/1989	0.0	0.0	0.0	4.7	0.5	2.7	0.0	0.0	0.0	0.3	0.8	Kém	Yếu	*
3	Lương Hoàng	Anh	21/5/2002	0.0	1.6	1.5	2.7	6.6	7.2	0.0	0.0	0.0	0.0	2.5	Kém	Yếu	*
4	Phan Tuấn	Anh	18/10/2002	6.9	7.3	6.2	6.8	8.2	6.9	6.3	0.0	7.1	7.0	6.6	TB Khá	Khá	*
5	Nguyễn Quốc	Chính	15/11/2002	7.2	6.3	1.2	6.2	8.2	7.7	7.0	5.6	6.5	5.6	6.0	TB Khá	Khá	*
6	Lê Minh	Dễ	07/7/2002	6.9	7.4	5.8	6.2	5.7	7.8	0.0	2.0	2.0	7.4	5.7	Trung Bình	Khá	*
7	Bành Văn	Duy	12/9/2000	6.8	7.1	6.7	6.2	7.9	8.2	6.9	5.9	8.5	7.3	7.3	Khá	Tốt	
8	Lê Hữu	đang	26/7/1998	6.9	7.8	6.7	8.0	7.2	7.9	6.1	6.4	8.3	7.2	7.2	Khá	Tốt	
9	Tăng Quốc	đức	10/6/1999	8.7	7.3	6.0	7.6	7.9	6.9	0.0	6.0	5.8	7.0	6.5	TB Khá	Khá	*
10	Nguyễn Hoàng	đức	13/5/1999	6.9	7.0	6.0	7.1	7.9	7.5	6.2	5.9	6.8	2.2	5.5	Trung Bình	Khá	*
11	Trần Nhật	Hào	05/12/1999	5.9	5.5	5.4	6.2	7.5	8.1	0.0	0.0	5.0	1.7	4.3	Yếu	Khá	*
12	Trang Phúc	Hậu	13/12/2000	7.3	5.8	5.5	7.0	4.9	8.2	5.8	0.2	7.1	1.4	4.3	Yếu	Khá	*
13	Lưu Minh	Hiền	01/3/2000	8.3	7.9	6.8	6.6	8.2	8.5	7.1	6.7	7.0	8.6	7.9	Khá	Tốt	
14	Đoàn Thái Minh	Hiếu	16/9/1988	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Kém	Yếu	*
15	Phạm Quốc	Hội	10/5/1992	8.9	8.2	7.3	8.0	9.1	8.9	7.1	6.4	7.7	8.1	8.1	Giỏi	Xuất sắc	
16	Lê Anh	Hưng	02/8/2001	5.6	7.3	6.4	6.1	6.3	6.8	6.5	5.3	6.2	6.2	6.3	TB Khá	Khá	
17	Ngô Minh	Kha	23/11/2001	7.0	6.9	6.3	6.2	7.2	7.3	6.3	5.7	8.0	6.0	6.6	TB Khá	Khá	
18	Phạm Vũ	Linh	03/9/1996	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Kém	Yếu	*
19	Trần Thanh	Miền	27/3/2002	8.7	4.6	4.8	0.0	7.7	6.9	5.7	4.1	5.0	6.9	6.0	TB Khá	Khá	*
20	Phan Thanh	Nhàn	08/7/2000	6.1	5.3	5.7	5.1	5.1	7.5	6.7	0.0	6.2	6.5	5.8	Trung Bình	Tốt	*
21	Kim Đăng	Pha	13/9/1999	0.0	1.4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Kém	Yếu	*

22	Huỳnh Phong	Phú	05/02/1999	0.0	1.7	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Kém	Yếu	*
23	Đỗ Duy	Phương	29/3/2002	8.2	8.0	6.4	6.9	7.4	7.7	6.5	6.8	9.4	8.5	7.7	Khá	Tốt	
24	Nguyễn Ngọc	Quyển	28/7/2002	2.4	2.2	5.1	3.5	8.2	7.7	0.0	2.0	0.0	5.1	5.1	Trung Bình	Yếu	*
25	Lê Trí	Tâm	01/01/2001	7.7	7.4	5.7	7.7	6.2	8.0	6.7	6.6	10.0	7.3	7.1	Khá	Tốt	
26	Ngô Quốc	Tổng	1998	7.9	7.9	4.9	5.1	5.5	7.5	6.7	6.0	5.0	5.5	5.7	Trung Bình	Tốt	*
27	Dương Minh	Tường	26/10/2000	6.2	7.3	5.8	6.2	5.8	7.1	5.8	6.0	7.7	6.2	6.2	TB Khá	Khá	

Chú ý: (*) học sinh có ít nhất 01 môn thi lại trong học kỳ không được xét khen thưởng

Kết quả học tập:	27 hs		
Xuất sắc	0 hs	Chiếm	0.0%
Giỏi	1 hs	Chiếm	3.8%
Khá	6 hs	Chiếm	22.2%
Trung bình khá	7 hs	Chiếm	25.9%
Trung bình	5 hs	Chiếm	18.5%
Yếu	2 hs	Chiếm	7.4%
Kém	6 hs	Chiếm	22.2%

Người lập biểu



Hoàng Thị Nguyệt

Bạc Liêu, ngày 16 tháng 4 năm 2018

Phòng Đào Tạo



Phạm Văn Anh